

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 _ 1918)

Ngày 1 – 8 – 1914, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ. Chính phủ Pháp cũng tham gia vào cuộc chiến. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp đã tiếp tục làm thay đổi cơ cấu kinh tế, xã hội các nước thuộc địa Pháp, trong đó có Việt Nam.

Trong thời gian này, phong trào yêu nước Việt Nam diễn ra sôi nổi, với nhiều hình thức khác nhau.

I – TÌNH HÌNH KINH TẾ _ XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp

Trong thời kì diễn ra Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhà cầm quyền Pháp ở Việt Nam một mặt củng cố, mở rộng chỗ dựa xã hội, tăng cường mọi hoạt động để phòng phong trào cách mạng bùng nổ, mặt khác tiến hành bắt lính, vơ vét của cải, phục vụ cho cuộc chiến tranh của chúng.

Thực dân Pháp nới rộng phần nào quyền hạn cho Chính phủ Nam triều, tiến hành một số cải cách, “chấn chỉnh quan trường” nhằm củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kỳ nhưng quyền hành vẫn tập trung vào tay Thống sứ người Pháp. Về đối ngoại, chính quyền thực dân mở các cuộc thương thuyết với Chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp các tổ chức cách mạng Việt Nam hoạt động trên đất Trung Quốc.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp trong thời kì chiến tranh nhằm vào việc ổn định tình hình Việt Nam để huy động đến mức cao nhất sức người, sức của phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc.



Chính sách cai trị của Pháp ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì mới ?

2. Những biến động về kinh tế

Chiến tranh bùng nổ, Toàn quyền Đông Dương tuyên bố : “Nhiệm vụ của Đông Dương là phải cung cấp tối đa nhân lực, vật lực và tài lực”. Nhân dân Việt Nam

phải đóng nhiều loại thuế, phải mua công trái, “phiếu quốc phòng”, góp tiền vào quỹ “chiến tranh”, nộp tiền cho chính quyền Đông Dương và các địa phương đặt ra. Trong 4 năm chiến tranh, thực dân Pháp đã thu được hơn 184 triệu phrăng tiền công trái và gần 14 triệu phrăng tiền quyền góp⁽¹⁾, cùng hàng trăm tấn lương thực, lâm sản và hàng vạn tấn kim loại cần thiết cho sản xuất vũ khí để chở về Pháp.

Chính quyền thực dân cố gắng khôi phục, duy trì, mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp để bù đắp cho công nghiệp chính quốc. Những mỏ đang khai thác được bỏ thêm vốn, như : mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), mỏ kẽm Chợ Đồn (Bắc Cạn), mỏ vàng ở Bồng Miêu (Quảng Nam)... Một số công ti than mới xuất hiện như : Công ti than Tuyên Quang (1915), Đông Triều (1916)... Các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh như sản xuất thuốc nổ, sửa chữa vũ khí... được phục hồi. Tất cả đều nhằm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng lớn của nền công nghiệp chiến tranh của Pháp.

Do chiến tranh, hàng hoá từ nước Pháp chở sang Đông Dương giảm rõ rệt. Chính quyền thực dân phải duy trì những cơ sở sản xuất có sẵn, mở thêm một số cơ sở mới và phải nói lỏng độc quyền cho các hội buôn, công ti tư bản bản xứ mở mang kinh doanh. Các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

Nguyễn Hữu Thu trước chiến tranh chỉ là chủ một hãng xe kéo ở Hải Phòng, trong chiến tranh có tới hàng chục chiếc tàu chạy trên sông, biển, sang Hương Cảng, Xín-ga-po ; Bạch Thái Bưởi có tàu chạy khắp sông và biển ở Bắc và Trung Kỳ, cạnh tranh với các công ti tư bản của Pháp và Hoa kiều. Các nhà tư sản Trương Văn Bền, Trần Văn Trương, Ngô Khắc Mẫn, Trương Hoà Phát... đã có chân trong các tập đoàn cao su của Pháp. Ở nhiều ngành khác đã xuất hiện những nhà kinh doanh người Việt như xưởng sơn của Nguyễn Sơn Hà ở Hải Phòng, xưởng thủy tinh Chương Mĩ ở Hà Đông, công ti xà phòng Quảng Hưng Long ở Hà Nội..., nhiều xưởng thủ công cũng được mọc lên. Ở Nam Kỳ, tư sản Việt Nam tập trung vào kinh doanh xay sát gạo. Các nhà máy xay có trước chiến tranh, như nhà máy Nguyễn Thanh Liêm, nhà máy Đức Khải, được tăng cường. Năm 1915, một nhà máy xay mới được xây dựng ở Mĩ Tho. Năm 1916, một nhà máy xay bột ở Rạch Giá ra đời.

Nông nghiệp từ chỗ độc canh lúa đã chuyển một phần sang trồng cây công nghiệp phục vụ chiến tranh như thầu dầu, đậu, lạc... Trong những năm chiến tranh, nông nghiệp trồng lúa ở Bắc Kỳ gặp nhiều khó khăn do hạn hán, lụt lội, vỡ đê...

- ◆ - Chính sách kinh tế của Pháp trước và trong chiến tranh có gì khác nhau ?
- Chính sách của Pháp trong chiến tranh đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào ?

(1) Trần Văn Giàu – Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, Tập III, NXB Giáo dục, H., 1961, tr. 236.

3. Tình hình phân hoá xã hội

Chính sách cai trị và những biến động về kinh tế ở Việt Nam trong những năm chiến tranh đã đẩy mạnh sự phân hoá xã hội Việt Nam.

Nạn bắt lính mà đối tượng chính là nông dân đã làm cho sức sản xuất ở nông thôn giảm sút ; nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu thuế ngày càng nặng, bão lụt, hạn hán xảy ra liên tiếp, các khoản công trái, “phiếu quốc phòng”, “quỹ chiến tranh”... làm cho nông dân ngày càng kiệt quệ, bần cùng.

Giai cấp công nhân tăng lên về số lượng. Các ngành công thương nghiệp của tư sản Pháp và tư sản Việt Nam đều thu nhận công nhân nhiều hơn. Trước chiến tranh, các cơ sở kinh doanh của Bạch Thái Bưởi chỉ có vài trăm, nay đã lên tới hơn 1 000 người.

Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tạo cho tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế ; ở một số ngành đã cạnh tranh được với tư sản Hoa kiều và tư sản Pháp, tiêu biểu là công ti Bạch Thái Bưởi, xưởng chế sơn của Nguyễn Sơn Hà.

Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị gồm tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên cũng ngày một đông hơn. Trong hoàn cảnh một nước thuộc địa, tuy đời sống có khá hơn chút ít so với đời sống của nhân dân lao động, nhưng nói chung họ cũng bị chèn ép, bạc đãi, luôn luôn bị cái đói, cái rét, nạn thất nghiệp... đe dọa.

Mặc dù tầng lớp tư sản có vai trò nhất định trong kinh tế và tầng lớp tiểu tư sản tăng thêm về số lượng nhưng cả hai tầng lớp này đều chưa trở thành những giai cấp trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).



Hãy nêu tình hình phân hoá xã hội ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918).

II – PHONG TRÀO YÊU NƯỚC TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH

1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội

Sau những hoạt động không thành công trong năm 1913, nhất là từ sau khi Phan Bội Châu bị bắt, Việt Nam Quang phục hội gần như không hoạt động. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, trước sự thay đổi của tình hình quốc tế và trong nước, Hội đã tổ chức nhiều cuộc bạo động.

Đỗ Chân Thiết, một hội viên Việt Nam Quang phục hội, đã thành lập chi hội ở Vân Nam mà đa số hội viên là công nhân và viên chức hoả xa trên tuyến đường sắt Hải Phòng – Vân Nam. Họ dự định liên kết với binh lính Việt Nam để đánh thành Hà Nội. Kế hoạch bị lộ, Đỗ Chân Thiết và 58 người khác bị bắt.

Từ cuối năm 1914, Việt Nam Quang phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước. Hội đã tiến hành một số cuộc bạo động như : tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lỵ Phú Thọ, đột kích Lục Nam (Bắc Giang), Bát Xát (Lào Cai), Đông Văn (Hà Giang) v.v... Ở miền Trung, ngày 28 – 9 – 1915, dưới sự chỉ huy của Trương Bá Kiêu (hội viên Việt Nam Quang phục hội) và Hồ Bá Kiện (yếu nhân của Duy tân hội), tù nhân ở Lao Bảo (khoảng 200 người đã tham gia phong trào Đông du, Việt Nam Quang phục hội, phong trào Duy tân và phong trào chống thuế...) đã nổi dậy giết lính canh, cướp vũ khí, phá nhà lao, rồi rút vào rừng chiến đấu. Nhưng do các tù nhân bị giam lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt, bị cô lập, cuối cùng cuộc bạo động thất bại. Những người lãnh đạo đều hi sinh trong chiến đấu.

Cuối cùng, Việt Nam Quang Phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.

- ◆ – *Lực lượng tham gia và hình thức hoạt động của Việt Nam Quang phục hội trong những năm đầu của Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì đáng chú ý ?*
- *Tại sao các cuộc bạo động của Việt Nam Quang phục hội đều thất bại ?*

2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

Lợi dụng sự phản ứng của hàng nghìn binh lính người Việt Nam đang tập trung ở Huế (chuẩn bị xuống tàu sang châu Âu để làm bia đỡ đạn) và của nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế..., Trần Cao Vân và Thái Phiên đã ráo riết vận động nhân dân, binh lính và mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa.

Trần Cao Vân là một sĩ phu yêu nước tiến bộ, quê ở Quảng Nam, đã từng bị tù vì tham gia phong trào chống thuế ở Trung Kỳ. Năm 1908, hết hạn tù, ông liên hệ với Thái Phiên, một thành viên của Việt Nam Quang phục hội ở địa phương, để chuẩn bị khởi nghĩa.

Hoàng tử Nguyễn Vĩnh San lên ngôi vua năm 1907, lúc mới 8 tuổi, lấy hiệu là Duy Tân. Tuy còn trẻ tuổi nhưng vua Duy Tân là người rất cương nghị và có tinh thần chống Pháp. Vì vậy, Trần Cao Vân và Thái Phiên đã mời ông cùng bàn mưu khởi nghĩa.



*Hình 128. Vua Duy Tân
lúc mới lên ngôi*

Trước khí thế sục sôi hưởng ứng của nhân dân, đặc biệt ở hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi, Thái Phiên và những người chỉ huy quyết định khởi sự ngay.

Theo dự tính, khởi nghĩa sẽ diễn ra vào giữa tháng 5 – 1916, nhưng vì kế hoạch bị lộ nên thực dân Pháp đã ra lệnh giới nghiêm, tước vũ khí và giam binh lính người Việt trong trại, lùng bắt các nhà yêu nước. Theo kế hoạch, dân binh kéo về tỉnh lỵ Quảng Nam, Quảng Ngãi và Huế để phối hợp hành động, nhưng không thấy có dấu hiệu gì nên phải rút lui.

Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa vua Duy Tân ra khỏi kinh thành, định rút về Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhưng cả ba đều bị bắt. Khởi nghĩa không thành, Trần Cao Vân, Thái Phiên bị chém đầu, còn vua Duy Tân bị thực dân Pháp đày ra đảo Rê-uy-ni-ông (châu Phi). Ông mất tháng 10 – 1945.

❖ *Tại sao Thái Phiên và Trần Cao Vân mời vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa ?*

3. Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)

Thái Nguyên là một tỉnh có tầm quan trọng về chính trị và quân sự đối với miền rừng núi và trung du Bắc Kỳ, nơi có phong trào chống Pháp diễn ra liên tục. Thực dân Pháp bố trí ở đây một lực lượng quân sự mạnh và những tên chỉ huy khét tiếng tàn ác. Thái Nguyên lại là nơi giam giữ những người yêu nước bị bắt trong phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thực, khởi nghĩa Yên Thế... Mối quan hệ giữa tù chính trị và binh lính yêu nước làm việc trong nhà tù được thiết lập, kế hoạch nổi dậy được hình thành.

Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) – một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến – Ủy viên quân sự của Việt Nam Quang phục hội, đang bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.



Hình 129. Trịnh Văn Cấn
(? - 1918)

Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31 - 8 - 1917. Nghĩa quân giết tên Giám binh Nô-en, phá nhà lao, thả tù chính trị, lần lượt chiếm toà sứ, toà án, kho vũ khí, kho bạc... làm chủ toàn bộ thị xã, trừ trại lính Pháp. Ngọn cờ “Nam binh phục quốc” bay trên bầu trời tỉnh lỵ Thái Nguyên. Nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân lên tới 600 người với vũ khí, trang bị tương đối đầy đủ.

Nhận được tin cấp báo Thái Nguyên thất thủ, bọn đầu sỏ Pháp ở Đông Dương và Bắc Kỳ đã cử tên Tổng chỉ huy quân đội Đông Dương đưa 2 000 quân, có súng lớn, xe thiết giáp yểm trợ lên đàn áp. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, liên tục trong nhiều ngày liền. Nhiều tên địch bị giết, bị thương. Nghĩa quân cũng tổn thất lớn, Lương Ngọc Quyến chỉ huy cuộc chiến đấu đã hi sinh. Đội Cấn quyết định rút quân ra khỏi thị xã Thái Nguyên, tiến hành cuộc hành quân gian khổ suốt 6 tháng qua các tỉnh Vĩnh Yên, Phúc Yên, rồi về Thái Nguyên trước sự truy lùng của kẻ thù. Sáng 11 - 1 - 1918, nhận thấy không thể chống cự được nữa, Đội Cấn đã tự sát để giữ tròn khí tiết. Nghĩa quân Thái Nguyên tan rã.

Tiếp nối vụ mưu khởi nghĩa của binh lính ở Hà Nội (1908) và binh lính ở miền Trung (1916), cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên là đòn đánh mạnh vào chính sách “dùng người Việt trị người Việt” của Pháp, thể hiện tinh thần yêu nước của những người nông dân mặc áo lính trong quân đội Pháp.

- ❖ - Vai trò của binh lính người Việt trong phong trào yêu nước thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất thể hiện như thế nào ?
- Tại sao phong trào yêu nước của binh lính nhanh chóng bị thất bại ?

4. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số

Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp còn diễn ra ở nhiều vùng rừng núi, với sự tham gia của đồng bào các dân tộc thiểu số. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc (1914 - 1916),


của đồng bào Mông ở Lai Châu (1918 – 1922), của binh lính đồn Bình Liêu ở Quảng Ninh (1918), của đồng bào Mnông ở Tây Nguyên (1912 – 1935).

Cuộc khởi nghĩa của đồng bào Thái ở Tây Bắc do Lương Bảo Định, Bạc Cầm Chân, Lương Văn No... lãnh đạo, diễn ra từ đầu tháng 11 – 1914 trên một địa bàn rộng gồm Lai Châu, Sơn La và phần lớn tỉnh Phong-xa-lì. Nghĩa quân đánh chiếm nhiều đồn dọc biên giới Việt – Lào và đã làm chủ được cả vùng Tây Bắc. Pháp phải huy động tới gần 3 000 quân để đối phó. Đến tháng 3 – 1916, cuộc khởi nghĩa mới chấm dứt.

Năm 1918, Giàng Tả Chay lãnh đạo đồng bào Mông vùng Lai Châu khởi nghĩa. Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rộng 40 000 km². Nhiều cuộc đụng độ đã diễn ra ác liệt, có những trận quân địch vừa chết vừa bị thương đến hàng trăm tên. Cuộc khởi nghĩa kéo dài đến năm 1922, khi Giàng Tả Chay bị sát hại, thì chấm dứt.

Ở vùng Đông Bắc, đêm 16 – 11 – 1918, binh lính đồn Bình Liêu nổi dậy, lôi cuốn nhiều đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao tham gia chiếm đồn Bình Liêu, Hoàn Mô rồi vượt biên giới liên hệ với hội viên Việt Nam Quang phục hội ở hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây (Trung Quốc) hoạt động trên một địa bàn rộng, từ sông Tiên Yên đến tận biển. Nghĩa quân đã uy hiếp cả vùng mỏ Quảng Yên và các đảo từ Móng Cái đến Hải Phòng. Đến năm 1919, thực dân Pháp mới dập tắt được cuộc khởi nghĩa.

Ở Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc thiểu số nhiều lần đứng lên chống Pháp, tiêu biểu nhất là đồng bào Mnông do N'Trang Long chỉ huy diễn ra từ năm 1912. Nghĩa quân đã thắng nhiều trận lớn. Từ năm 1916, thực dân Pháp bao vây và triệt đường tiếp tế muối, nhưng cuộc khởi nghĩa vẫn tiếp tục kéo dài tới năm 1935 mới chấm dứt.

-  - Trong phong trào đấu tranh của đồng bào dân tộc thiểu số thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có những cuộc khởi nghĩa lớn nào ?
- Ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa đó trong phong trào giải phóng dân tộc .

5. Phong trào hội kín ở Nam Kỳ

Nam Kỳ là nơi Pháp áp đặt được bộ máy cai trị sớm nhất, nhưng phong trào yêu nước của nhân dân vẫn tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hoà hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường mượn hình thức tôn giáo, sử dụng bùa chú để dễ tuyên truyền, vận động.

Trong 4 năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, hội kín ở Nam Kỳ phát triển mạnh, nhất là ở Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc... Thành phần tham gia đông nhất là nông dân và dân nghèo thành thị. Các hội kín hoạt động độc lập, nhưng tất cả đều suy tôn Phan Xích Long làm hoàng đế.

Hoạt động có tiếng vang lớn trong phong trào hội kín Nam Kỳ là cuộc đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để giải thoát cho Phan Xích Long. Ba giờ sáng 15 - 2 - 1916, khoảng 300 người mặc áo đen, quần trắng, khăn trắng quấn cổ, mang dao, giáo, kiếm và bùa hộ mệnh chia làm nhiều ngả tiến vào Sài Gòn. Cuộc giao chiến giữa quân khởi nghĩa và lính canh khám lớn náo động cả thành phố, một số tên giặc bị giết. Trước sự phản công của quân thù, nghĩa quân tan vỡ. Nhiều hội kín ở các tỉnh nổi dậy hỗ trợ nhưng đều bị đàn áp.

Sau vụ phá khám lớn Sài Gòn, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các hội kín, hàng trăm người bị bắt, gần 40 người bị xử tử. Phong trào tạm lắng xuống.

Phong trào hội kín ở Nam Kỳ thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân, nhưng vì chưa có sự lãnh đạo đúng đắn nên đã nhanh chóng thất bại.



- Các hội kín hoạt động nhằm mục đích gì ?

- Tại sao các hội kín lại mượn hình thức tôn giáo và sử dụng bùa chú trong tổ chức và hoạt động của mình ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy cho biết các phong trào yêu nước tiêu biểu trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất.
2. Tại sao các phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đều thất bại ?
3. Lập niên biểu các cuộc đấu tranh trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

PHẦN ĐỌC THÊM

Hịch Thái Nguyên khởi nghĩa

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng Bảy, ngày 14, Thái Nguyên tỉnh, Quang Phục quận, Đại đô đốc Trịnh, bố cáo cho dân chúng đồng bào được biết :

...

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chia súng, đánh giết quân thù ; bên ngoài thì có những nhà cách mệnh ta bấy

lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khí giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên pháp phới trên kì đài, ta đã tuyên bố Thái Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh học thức, có thể đến đây vì ta trừ mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khoẻ mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, dả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc ; ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha !

Nay bố cáo.

(Theo bản dịch của Đào Trinh Nhất,
Lông Ngọc Quyển và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917,
NXB Tân Việt, H., 1951)